

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HS-ST
Ngày: 26-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Quang M
- Ông Nguyễn Tấn H

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2025/TLST-HS ngày 27/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 13/3/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Thanh T, sinh năm 1984, tại B; Hộ khẩu thường trú: Số 37/2, đường L, tổ 17, khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Thanh T, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị Kim H, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ Đoàn Huỳnh Hồng T, sinh năm 1986 (đã ly hôn); Vợ tên Trần Thị N, sinh năm 1985 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 2005; hộ khẩu thường trú: Số 104/1, đường T, tổ 7, khu phố 4A, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Anh T, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Trương Thái Bảo Vĩnh T, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 10/5/2024, Võ Thanh T đi bộ đến tiệm sửa xe Lê T ở khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh B do ông Lê Anh T làm chủ để mượn xe mô tô. Võ Thanh T nhìn thấy trong tiệm có 03 chiếc xe mô tô đang để trong tiệm. Võ Thanh T đi vào trong tiệm tìm ông Lê Anh T nhưng lúc này ông Lê Anh T đi vắng, chỉ có bà Nguyễn Kiều D (vợ ông Lê Anh T) ở đó. Võ Thanh T vờ chỉ tay vào xe mô tô Sirius đang để trong tiệm và hỏi “xe sửa xong chưa”, bà D nghe T hỏi thế thì nghĩ là xe mô tô đó là của Võ Thanh T mang đến sửa nên trả lời là chưa xong. Nghe vậy, Võ Thanh T đi ra ghế đá phía trước tiệm sửa xe ngồi. Lúc này bà D đi vào trong nhà. Võ Thanh T quan sát thấy trong tiệm có xe mô tô Honda biển số 61H1-157.75 trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm xe để làm phương tiện đi lại. T đi vào trong tiệm, dắt xe mô tô biển số 61H1-157.75 ra ngoài đường rồi điều khiển xe về hướng thành phố T, tỉnh B. Đến khoảng 10 giờ ngày 11/5/2024, khi T đang ở quán nước không tên ở khu vực xã T, huyện D thì bị Công an thị trấn D tạm giữ người cùng vật chứng là xe mô tô Honda biển số 61H1-157.75.

Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 15/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S110, màu: đỏ, đen, bạc, biển số kiểm soát 61H1-157.75, số khung: RLHJC5219CY689119, số máy: JC52E44222428, tại thời điểm bị thiệt hại ngày 10/5/2024 có trị giá 9.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 15/CT-VKS-DT ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T từ 10 đến 12 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định, xe mô tô Honda biển số 61H1-157.75 do ông Trương Thái Bảo Vĩnh T đứng tên chủ sở hữu, ông T đã bán lại xe mô tô này cho ông Nguyễn Chí T nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ông T mang xe mô tô đến tiệm sửa xe của ông Lê Anh T để sửa xe thì bị Võ Thanh T lấy trộm. Ngày 18/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại xe mô tô này cho ông T theo Quyết định xử lý vật chứng số 540. Ông T đã nhận lại xe và không yêu cầu Võ Thanh T bồi thường thiệt hại gì.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Nguyễn Chí T có ý kiến tài sản đã nhận lại và không có yêu cầu gì khác, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và phù hợp lời khai trong các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/5/2024, tại tiệm sửa xe Lê T ở khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh B, bị cáo Võ Thanh T đã có hành vi lén lút lấy xe mô tô Honda biển số 61H1-157.75, trị giá 9.000.000 đồng của bị hại ông Nguyễn Chí T. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Như vậy, Cáo trạng số 15/CT-VKS-DT ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B và bản luận tội của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo Võ Thanh T chiếm đoạt tài sản của bị hại với mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến an ninh trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, thế nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bất chấp hậu quả. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị khởi tố vụ án, bản thân bị cáo được tại ngoại nhưng đã bỏ trốn gây khó khăn cho Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ. Do đó, cần xử phạt bị cáo với bằng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội nhằm mục đích răn đe và giáo dục bị cáo sau này.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự gì; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản

2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên được xem xét giảm một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về biện pháp tư pháp: Tài sản là xe mô tô Honda biển số 61H1-157.75 đã thu hồi và trao trả cho bị hại ông Nguyễn Chí T và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, căn cứ điều luật, mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (26/3/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV 06-Công an tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Bình Dương;
- Phân trại tạm giam KV Dầu Tiếng;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

Phan Xuân Nam

